TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:36/2023/DS-PT
Ngày 16/3/2023
Về việc:tranh chấp
quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ánh Bình
Các Thẩm phán: -Bà Phạm Thị Hồng Hà
-Bà Đặng Duy Mỹ ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Liễu - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: bà Trần Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15/12/2022, ngày 08/02/2023 và ngày 16/3/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 234/2022/TLPT- DS, ngày 01 tháng 11 năm 2022, về *"tranh chấp quyền sử dụng đất*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 37/2022/DS-ST, ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Trà Ôn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 272/2022/QĐ - PT, ngày 08 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1955 (chết ngày 09/8/2021)
Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn:
Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1981
Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1981.
Chị Nguyễn Thị Lệ Th, sinh năm 1983
-Anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1985 (có đơn xin vắng mặt).
-Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1989
Cùng địa chỉ: ấp Phú X, xã Phú T, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long
-Chị Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1990 (Nguyễn Trân H). Địa chỉ: số 151, đường Zhongxiao, khu phố 2, Hedongli, thị trấn hemei, huyện Changhua, thành phố Đài Trung, Đài Loan (có đơn xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Nguyễn Văn T là luật sư Nguyễn Quyết Q (Công ty luật TNHH MTV Quyết T – chi nhánh Vĩnh Long).

2. Bị đơn:

2.1.Bà Nguyễn Thị Út C, sinh năm 1963

2.2.Ông Nguyễn Văn Năm E, sinh năm 1964

2.3.Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1990

2.4.Anh Nguyễn Vũ L, sinh năm 2001

Cùng địa chỉ: ấp Phú X, xã Phú T, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Út C, ông Nguyễn Văn Năm E, anh Nguyễn Văn N, anh Nguyễn Vũ L là chị Lý Thị D, sinh năm 1981(Theo văn bản ủy quyền ngày 19/10/2022) (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Út C là ông Nguyễn Thành Đ. Là Luật gia thuộc hội luật gia tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

2.5. Anh Nguyễn Văn Nhí E, sinh năm 1991. Địa chỉ: ấp Phú X, xã Phú T, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long (có mặt)

Người đại diện hợp pháp của anh Nguyễn Văn Nhí E là anh Nguyễn Văn X, sinh năm 1989. Địa chỉ: ấp Phú X, xã Phú T, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long (Theo văn bản ủy quyền ngày 19/10/2022) (có mặt).

*Người kháng cáo:*bà Nguyễn Thị Út C, ông Nguyễn Văn Năm E, anh Nguyễn Văn N, anh Nguyễn Văn Nhí E và Nguyễn Vũ L là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 02/02/2021 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 27/4/2021,nguyên đơn ông Nguyễn Văn M trình bày:

Ông có phần đất thửa 1292, tờ bản đồ số 01, diện tích 2.498,2m^2, loại đất ở và trồng cây lâu năm tọa lạc tại ấp Phú X, xã Phú T, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long do ông đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được Ủy ban nhân dân huyện Trà Ôn cấp ngày 05/6/2009. Nguồn gốc đất của cha ruột ông là cụ Nguyễn Văn Nh để lại. Cụ Nh chết năm 1995 gồm 06 người con là Trần Văn Ch (chết 1990, chết trước ông Nh) (con ông Ch gồm Trần Thị B, Trần Thị T – chết, Trần Văn V, Trần Thị H), Nguyễn Văn Ch sinh năm 1935 (chết), Nguyễn Văn H sinh năm 1944 (chết), Nguyễn Thị P (chết), Nguyễn Văn M và Nguyễn Thị Út C. Ông không biết rõ họ tên, năm sinh của những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Ch, ông H và bà P. Trước đây ông có cho em ruột là bà Nguyễn Thị Út C xây dựng nhà tạm trên thửa đất 1292, chiều rộng 6m dài 11m, nhà lót gạch, cột đúc, mái lợp tole. Ông đồng ý cho bà C ở cho đến hết đời. Ngày 20/8/2020 ông yêu cầu cơ quan chuyên môn đo đạc để cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng bà C ngăn cản không cho đo đạc, yêu cầu ông phải để cho bà C nền nhà rộng 11m, dài 25m. Ông không đồng ý nên hai bên phát sinh tranh chấp. Nay ông không đồng ý cho gia đình bà C tiếp tục ở trên đất của ông, yêu cầu bà Nguyễn Thị Út C, ông Nguyễn Văn Năm E,

anh Nguyễn Văn N, anh Nguyễn Văn Nhí E và anh Nguyễn Vũ L tháo dỡ di dời nhà, trả lại cho ông phần đất rộng 6m, dài 11m thuộc thửa 1292, ông đồng ý hỗ trợ chi phí di dời là 10.000.000đ. Trước đây bà C đã được cha mẹ chia cho một phần đất khác (ông M chết ngày 09/82021).

Tại bản tự khai đề ngày 13/10/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn gồm có anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn S, chị Nguyễn Thị Lệ Th, anh Nguyễn Văn G và anh Nguyễn Văn S trình bày: giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu gia đình bà Nguyễn Thị Út C tháo dỡ di dời nhà, trả lại phần đất rộng 6m, dài 11m thuộc thửa 1292 cho nguyên đơn và đồng ý hỗ trợ chi phí di dời là 10.000.000đ. Về nguồn gốc đất thống nhất theo lời trình bày của ông M khi còn sống. Ông M cho gia đình bà C xây dựng nhà ở thời gian khoảng 15 năm nay.

Tại bản tự khai đề ngày 19/4/2021, đơn yêu cầu phản tố ngày 06/5/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Út C trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cụ Nguyễn Văn Nh (cha của nguyên đơn và bị đơn) cho bị đơn từ năm 1981, khi cho cụ Nh còn sống. Ngày 15/8/1995 các anh của bà đã thống nhất làm giấy ủy quyền cho bà quản lý sử dụng phần đất này nằm trong thửa 1292. Năm 1981 bà cất nhà ở ổn định trên đất cho đến nay. Sau khi cụ Nh chết, ông M làm thủ tục thừa kế đứng tên quyền sử dụng đất bà không biết, ông M cũng không báo với bà, bà không có ký tên vào hồ sơ thừa kế, bà không biết viết chữ, mọi thủ tục giấy tờ bà đều lăn tay điểm chỉ. Hiện trạng nhà của bà là nhà cấp 4, hộ gia đình bà gồm có bà, chồng là ông Nguyễn Văn Năm E và các con Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn Nhí E, Nguyễn Vũ L. Bà không đồng ý toàn bộ yêu cầu của ông M và có đơn phản tố yêu cầu công nhận phần đất gắn liền căn nhà của bà đang quản lý sử dụng chiều rộng khoảng 12m, chiều dài khoảng 20m, thuộc thửa số 1292 (610-3), tờ bản đồ số 01, toạ lạc tại ấp Phú X, xã Phú T, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long cho bà đứng tên quyền sử dụng đất.

Tại văn bản đề ngày 25/10/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn Năm E trình bày: ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguồn gốc phần đất gắn liền với căn nhà của gia đình ông đang ở là của cha vợ là cụ Nguyễn Văn Nh cho từ năm 1981 đến nay. Ông thống nhất yêu cầu phản tố của bà C, yêu cầu Tòa án công nhận cho bà C được đứng tên quyền sử dụng phần đất rộng 12m, dài 20m gắn liền căn nhà của ông và bà C đang ở, thuộc thửa 1292, tờ bản đồ số 01, diện tích 2.498,2m^2 loại đất ở và trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp Phú X, xã Phú T, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Tại văn bản ngày 25/10/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của anh N, anh Nhí E là chị D, anh X trình bày: Không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thống nhất yêu cầu phản tố của bà C, yêu cầu Tòa án công nhận cho bà C được đứng tên quyền sử dụng đất phần đất rộng 12m, dài 20m gắn liền căn nhà, thuộc thửa 1292, TBĐ 01, diện tích 2.498,2m^2 loại

đất ở và trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp Phú X, xã Phú T, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2022/DS-ST ngày 14/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M do người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn gồm anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn S, chị Nguyễn Thị Lệ Th, anh Nguyễn Văn G và anh Nguyễn Văn S về việc yêu cầu các bị đơn bà Nguyễn Thị Út C, ông Nguyễn Văn Năm E, anh Nguyễn Văn N, anh Nguyễn Văn Nhí E và anh Nguyễn Vũ L trả lại phần đất theo đo đạc hiện trạng gồm tách thửa 206-1, diện tích 119,7m^2, loại đất trồng cây lâu năm (trong đó có 96,6m^2 đã xây dựng nhà cấp 4) và tách thửa 206-2, diện tích 140,3m^2, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp Phú X, xã Phú T, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị Út C về yêu cầu công nhận cho bà Nguyễn Thị Út C phần đất theo đo đạc hiện trạng gồm tách thửa 206-1, diện tích 119,7m^2, loại đất trồng cây lâu năm (trong đó có 96,6m^2 đã xây dựng nhà cấp 4) và tách thửa 206-2, diện tích 140,3m^2, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp Phú X, xã Phú T, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Buộc các bị đơn bà Nguyễn Thị Út C, ông Nguyễn Văn Năm E, anh Nguyễn Văn N, anh Nguyễn Văn Nhí E và anh Nguyễn Vũ L trả lại cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn gồm anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn S, chị Nguyễn Thị Lệ Th, anh Nguyễn Văn G và anh Nguyễn Văn S phần đất diện tích 119,7m^2 thuộc tách thửa 206-1 (trong đó có 96,6m^2 đã xây dựng nhà cấp 4), loại đất trồng cây lâu năm và 140,3m^2 thuộc tách thửa 206-2, loại đất trồng cây lâu năm, đất toạ lạc tại ấp Phú X, xã Phú T, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Buộc các bị đơn bà Nguyễn Thị Út C, ông Nguyễn Văn Năm E, anh Nguyễn Văn N, anh Nguyễn Văn Nhí E và anh Nguyễn Vũ L giao cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn gồm anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn S, chị Nguyễn Thị Lệ Th, anh Nguyễn Văn G và anh Nguyễn Văn S căn nhà cấp 4, vật kiến trúc và toàn bộ số cây trồng gắn liền trên phần đất thuộc thửa tách 206-1, diện tích 119,7m^2, loại đất trồng cây lâu năm (trong đó có 96,6m^2 đã xây dựng nhà cấp 4) và tách thửa 206-2, diện tích 140,3m^2, loại đất trồng cây lâu năm gồm 05 cây bưởi từ 01 đến 03 năm tuổi, 04 cây bưởi giai đoạn lão hoá; 01 cây mận giai đoạn lão hoá.

Công nhận sự tự nguyện của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn gồm anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn S, chị Nguyễn Thị Lệ Th anh Nguyễn Văn G và anh Nguyễn Văn S về việc bồi thường cho bà Nguyễn Thị Út C, ông Nguyễn Văn Năm E, anh Nguyễn Văn N, anh Nguyễn Văn Nhí E và anh Nguyễn Vũ L trị giá nhà, vật kiến trúc gắn liền với đất là 71.190.734đ, giá trị cây trồng (01 cây mận) trên đất là 95.000đ và hỗ trợ chi phí di dời 10.000.000đ. Tổng cộng 81.285.734đ *(Tám mươi mốt triệu hai trăm tám mươi lăm ngàn bảy trăm ba mươi bốn đồng)*.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, thời gian lưu cư của bị đơn, chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 28/9/2022 các bị đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, công nhận cho bị đơn phần đất theo đo đạc hiện trạng gồm tách thửa 206-1, diện tích 119,7m^2, loại đất trồng cây lâu năm (trong đó có 96,6m^2 đã xây dựng nhà cấp 4) và thửa tách 206-2, diện tích 140,3m^2, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp Phú X, xã Phú T, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Tại cấp phúc thẩm phía bị đơn trình bày người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn còn có chị Nguyễn Thị Nh có chồng và đang sinh sống tại Đài Loan, gia đình nguyên đơn cố tình không báo với Tòa án cấp sơ thẩm, nên không đưa vào tham gia tố tụng.

Tòa án cấp phúc thẩm đã lấy lời khai anh Nguyễn Văn T thì anh T thừa nhận ngoài các anh chị em đã tham gia tố tụng còn có Nguyễn Thị Nh (đổi tên là Nguyễn Trân H) hiện đang sinh sống tại địa chỉ: số 151, đường Zhongxiao, khu phố 2, Hedongli, thị trấn hemei, huyện Changhua, thành phố Đài Trung, Đài Loan, Trung Quốc. Ngày 24/11/2022 chị Nhí có gửi về cho Tòa án cấp phúc thẩm bản tự khai và đơn xin vắng mặt. Trong bản khai ý kiến chị Nh trình bày, chị không có yêu cầu độc lập trong vụ án, không có tranh chấp với các anh chị em về tài sản là quyền sử dụng đất do cha mẹ để lại đối với phần đất đang tranh chấp, đồng ý để lại toàn bộ tài sản cho các anh em được quyền quản lý, sử dụng, việc tranh chấp với bà C để các anh chị em tự quyết định và xin được vắng mặt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các đương sự không cung cấp chứng cứ gì mới;

Luật gia Nguyễn Thành Đ là người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn bà Nguyễn Thị Út C trình bày: yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông M là tình tiết mới phát sinh, vì sau này mới biết được văn bản phân chia tài sản thừa kế ngày 29/4/2009, thiếu người thừa kế của cụ Nh gồm bà Nguyễn Thị K và các con của ông Trần Văn Ch ký tên. Bà C ở trên phần đất tranh chấp thời gian từ năm 1981 đến nay, xây dựng nhà ở kiên cố trên 30 năm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét tư cách người tham gia tố tụng của con nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Nh, vì chị Nh là người con thứ 6 của nguyên đơn đang ở Đài Loan là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn. Nhưng tòa án cấp sơ thẩm không đưa chị Nh tham gia tố tụng và trong thời gian Tòa thụ lý đến nay cũng không có mặt của chị Nh nên đã vi phạm khoản 3 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình xét xử cấp sơ thẩm không đưa những người thừa kế của cụ Nh tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là thiếu sót. Vì vậy yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho nguyên đơn và hủy bản án sơ thẩm do vi phạm thủ tục tố tụng.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của phía nguyên đơn trình bày: Đây là vụ án mà Tòa án cấp sơ thẩm xác định là tranh chấp quyền sử dụng đất, nguyên

đơn ông M đã cung cấp chứng cứ là quyền sử dụng đất thửa 1292, diện tích 2.498,2m^2 được Ủy ban nhân dân huyện Trà Ôn cấp vào ngày 05/6/2009. Phía bị đơn cho rằng cần phải đưa những người thừa kế khác vào tham gia tố tụng là không cần thiết, bởi lẽ không có ai tranh chấp về thừa kế.Trong quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm phía bị đơn không có yêu cầu phản tố về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nguyên đơn, Tòa án cấp sơ thẩm chưa giải quyết và cũng không có ai kháng cáo vấn đề này, nên không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm. Trong trường hợp phía bị đơn có yêu cầu thì khởi kiện bằng một vụ án khác.

Trong những người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn có chị Nguyễn Thị Nh (Nguyễn Trân H)là con của nguyên đơn, tuy nhiên Tòa án cấp phúc thẩm cũng đã nhận được văn bản của chị Nh xác định quyền lợi trong vụ án này không bị ảnh hưởng và chị Nh cũng không có tranh chấp hay khiếu nại đối với tài sản của ông M, nên Tòa án cấp sơ thẩm đưa thiếu chị Nh là có sai sót, nhưng không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của chị Nh và không làm thay đổi bản chất nội dung của vụ án nên không có căn cứ xem xét hủy bản án như yêu cầu của Luật sư bị đơn. Đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm, tuy nhiên theo bản án sơ thẩm buộc phía nguyên đơn bồi thường cho bị đơn tổng cộng 81.000.000đ, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, phía nguyên đơn có thiện chí giao cho bị đơn tổng số tiền là 105.000.000đ, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này. Ngoài ra bản án sơ thẩm cũng đã nhận định mặc dù bị đơn ở trên đất đã lâu, nhưng gia đình bị đơn và phía nguyên đơn thường xuyên xảy ra mâu thuẩn, làm mất an ninh trật tự, nếu để phía bị đơn tiếp tục ở trên đất có thể sẽ xảy ra những hậu quả nghiêm trọng hơn. Như vậy việc Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc phía bị đơn di dời tài sản và giao trả quyền sử dụng đất cho phía nguyên đơn là hoàn toàn phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giữ nguyên bản án sơ thẩm, thay đổi số tiền hỗ trợ và bồi thường của phía nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay.

Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử. Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm; các đương sự có mặt thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 bộ luật tố tụng dân sự, điểm đ, khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Út C làm căn cứ sửa bản án dân sự sơ thẩm số 37/2022/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Trà Ôn;

Công nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn Nguyễn Thị Út C tại các chiết thửa 206-1, diện tích 119,7m^2, loại đất CLN (trong đó có 96,6m^2 đã xây nhà cấp 4) và thửa tách 206-2, diện tích 140,3m^2 loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp Phú X, xã Phú T, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 200 triệu đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Lý Thị D cho bà C số tiền trên.

Án phí dân sự phúc thẩm: do sửa án sơ thẩm nên bị đơn kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: ngày 14/9/2022 Tòa án cấp sơ thẩm tuyên án, đến ngày 28/9/2022 các bị đơn kháng cáo là còn trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự và các bị đơn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định nên được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]Về nội dung: xét kháng cáo của các bị đơn về việc không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, công nhận cho bị đơn được quyền quản lý, sử dụng phần đất tranh chấp, xét thấy:

Nguồn gốc thửa đất 1292, diện tích 2.498,2m^2, loại đất ở và đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp Phú X, xã Phú T, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long do ông Nguyễn Văn M đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có nguồn gốc của cụ Nguyễn Văn Nh là cha của nguyên đơn và bị đơn để lại. Cụ Nguyễn Văn Nh được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 19/01/1991 gồm các thửa 610, 611 và 615, cụ Nh chết năm 1995 (cụ Nh có 06 người con gồm Trần Văn Ch (chết năm 2000) (con ông Ch gồm Trần Thị B, Trần Thị T – chết, Trần Văn V, Trần Thị H), Nguyễn Văn Ch sinh năm 1935 (chết năm 2018), Nguyễn Văn H sinh năm 1944 (chết năm 2017), Nguyễn Thị K (chết năm 2018), Nguyễn Văn M (chết năm 2021) và Nguyễn Thị Út C.

Sau khi cụ Nh chết, ngày 29/4/2009 ông Nguyễn Văn M làm thủ tục thừa kế. Theo văn bản phân chia tài sản thừa kế ngày 29/4/2009 (có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã Phú T) gồm có ông Nguyễn Văn Ch, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị Út C cùng ký tên (không có bà Nguyễn Thị K và các con ông Trần Văn Ch ký tên). Theo đó ông Nguyễn Văn M được hưởng tách thửa 610-3, diện tích 2.498,2m^2, loại đất ONT và CLN. Ủy ban nhân dân xã Phú Thành niêm yết công khai danh sách các trường hợp đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại xã Phú T trong thời hạn 30 ngày không có ai tranh chấp. Đến ngày 05/6/2009 Ủy ban nhân dân huyện Trà Ôn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông M thuộc thửa 1292, diện tích 2.498,2m^2, loại đất ở và đất trồng cây lâu năm,

tọa lạc ấp Phú X, xã Phú T, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Trên thửa đất này bà Nguyễn Thị Út C đã xây nhà cấp 4 sinh sống cùng chồng và các con từ năm 1981 đến nay, thuộc các tách thửa 206-1, diện tích 119,7m^2 (có 96,6m^2 nhà cấp 4) và thửa tách 206-2, diện tích 140,3m^2.

Khi cụ Nh còn sống thì cụ Nh đã cho bà Nguyễn Thị Út C là con gái cất nhà ở trên đất, bà C đã cất nhà ở sử dụng ổn định, lâu dài trên phần đất tranh chấp từ khi cụ Nh còn sống cho đến nay đã hơn 30 năm. Sau khi cụ Nh chết, năm 2009 ông M làm thủ tục thừa kế từ cụ Nh thì ông M cũng không có ý kiến gì về việc gia đình C đang ở trên đất.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn di dời tài sản cá nhân, trả lại đất cho nguyên đơn, xét thấy: thủ tục thừa kế từ cụ Nguyễn Văn Nh sang ông Nguyễn Văn M là văn bản phân chia tài sản thừa kế ngày 29/4/2009 có chứng thực của UBND xã Phú T, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, xét thủ tục thừa kế chưa đảm bảo theo quy định của pháp luật. Vì cụ Nh có 06 người con, nhưng chỉ có 04 người ký tên vào văn bản phân chia tài sản thừa kế (trong đó có bà Nguyễn Thị Út C), còn lại bà Nguyễn Thị K và các con của ông Trần Văn Ch (ông Ch chết trước năm 2009 và lấy họ Trần) chưa ký tên. Luật sư của bị đơn cho rằng cần phải hủy án sơ thẩm vì thủ tục thừa kế từ cụ Nh sang ông M không đảm bảo. Tuy nhiên đây không phải là vụ án tranh chấp thừa kế tài sản và Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành lấy lời khai của chồng và các con bà K; các con ông Ch họ đều xác định không có yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất tranh chấp và họ cũng không phản đối việc bà C ở trên đất cho nên không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm. Mặc dù bà C không cung cấp được tài liệu chứng cứ, chứng minh việc cụ Nh cho bà C phần đất tranh chấp, nhưng thực tế bà C là con ruột cụ Nh đã được cụ Nh cho cất nhà ở từ khi cụ còn sống cho đến nay.Như vậy ý chí của cụ Nh là cho bà C đất để cất nhà ở, quá trình bà C cất nhà ở không có ai tranh chấp, hiện nay bà C và chồng là ông Nguyễn Văn Năm E và các con bà C sinh sống ổn định trên phần đất tranh chấp đã hơn 30 năm.Vì vậy công nhận cho bà C được quản lý sử dụng phần đất tranh chấp là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Buộc bà C phải trả giá trị đất cho phía nguyên đơn, tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm chị Lý Thị D là người đại diện hợp pháp của bà C tự nguyện giao cho nguyên đơn số tiền 200.000.000đ giá trị phần đất tranh chấp. Xét thấy số tiền này cao hơn nhiều lần so với số tiền mà Tòa án cấp sơ thẩm đã định giá phần đất tranh chấp là 22.880.000đ. Nhưng sự tự nguyện này không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận việc bà C giao cho phía nguyên đơn số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng).

Người bảo vệ quyền lợi của bị đơn trình bày kháng cáo bổ sung yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho nguyên đơn và hủy bản án sơ thẩm. Xét thấy tại cấp sơ thẩm các đương sự không yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho nguyên đơn và yêu cầu này chưa được Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết, không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Đối với yêu cầu hủy bản án sơ thẩm với lý do không đưa chị Nguyễn Thị Nh

con của nguyên đơn tham gia tố tụng là vi phạm thủ tục tố tụng xét thấy**:** chị Nguyễn Thị Nh (Nguyễn Trân H) là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn, tại Tòa án cấp sơ thẩm do các đương sự trong vụ án không khai nên không biết để đưa vào tham gia tố tụng là có thiếu sót, nhưng không phải do lỗi của Tòa án cấp sơ thẩm. Tại cấp phúc thẩm chị Nguyễn Thị Nh có bản khai trình bày ý kiến không có yêu cầu độc lập trong vụ án, thống nhất để tài sản là quyền sử dụng đất của cha mẹ để lại cho các anh chị em được quyền quản lý, sử dụng. Xét thấy việc không đưa chị Nh tham gia tố tụng tại tòa án cấp sơ thẩm là có thiếu sót, nhưng không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của chị Nh và các đương sự khác trong vụ án nên không cần thiết phải hủy án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm Luật sư của phía nguyên đơn trình bày mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn xảy ra trầm trọng. Nếu tiếp tục cho gia đình bị đơn ở trên phần đất tranh chấp thì mâu thuẫn sẽ kéo dài, ảnh hưởng đến an ninh, trật tự và có thể xảy ra hậu quả nghiêm trọng hơn. Xét thấy đây không phải là lý do để buộc các bị đơn phải di dời tài sản trả lại đất cho nguyên đơn. Nếu xảy ra mâu thuẫn thì các bên có quyền báo với cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

[3]Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị đơn, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2022/DS-ST ngày 14/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Công nhận cho bà Nguyễn Thị Út C được quản lý, sử dụng phần đất thuộc tách thửa 206-1, diện tích 119,7m^2 (có 96,6m^2 nhà cấp 4) và thửa tách 206-2, diện tích 140,3m^2, loại đất trồng cây lâu năm , tọa lạc ấp Phú X, xã Phú T, huyện Trà ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Kèm theo Trích đo bản đồ hiện trạng khu đất ngày 11/3/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai và Phòng Tài nguyên - Môi trường huyện Trà Ôn.

Bà Nguyễn Thị Út C có quyền, nghĩa vụ kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Công nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Út C do chị Lý Thị D là người đại diện hợp pháp có nghĩa vụ giao cho nguyên đơn giá trị đất với số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng).

[4]Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Út C được miễn nộp án phí do thuộc trường hợp người cao tuổi. Số tiền tạm ứng đã nộp sẽ được hoàn trả lại.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: do sửa án nên các bị đơn là người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

[6]Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị đơn bà Nguyễn Thị Út C, ông Nguyễn Văn Năm E, anh Nguyễn Văn N, anh Nguyễn Văn Nhí E và anh Nguyễn Vũ L; chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2022/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long;

Căn cứ Điều 166 Luật đất đai năm 2013, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1.Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn gồm anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn S, chị Nguyễn Thị Lệ Th, anh Nguyễn Văn G và anh Nguyễn Văn S về việc yêu cầu các bị đơn bà Nguyễn Thị Út C, ông Nguyễn Văn Năm E, anh Nguyễn Văn N, anh Nguyễn Văn Nhí E và anh Nguyễn Vũ L trả lại phần đất theo đo đạc hiện trạng gồm thửa tách 206-1, diện tích 119,7m^2, loại đất trồng cây lâu năm (trong đó có 96,6m^2 đã xây dựng nhà cấp 4) và thửa tách 206-2, diện tích 140,3m^2, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp Phú X, xã Phú T, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

2.Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị Út C. Công nhận cho bà Nguyễn Thị Út C được quản lý, sử dụng phần đất theo đo đạc hiện trạng gồm tách thửa 206-1, diện tích 119,7m^2, loại đất trồng cây lâu năm (trong đó có 96,6m^2 đã xây dựng nhà cấp 4) và tách thửa 206-2, diện tích 140,3m^2, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp Phú X, xã Phú T, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Kèm theo Trích đo bản đồ hiện trạng khu đất ngày 11/3/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai và Phòng Tài nguyên - Môi trường huyện Trà Ôn.

Bà Nguyễn Thị Út C có quyền, nghĩa vụ kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3.Công nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Út C (do chị Lý Thị D là người đại diện hợp pháp) có nghĩa vụ bồi hoàn giá trị đất cho anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn S, chị Nguyễn Thị Lệ Th, anh Nguyễn Văn G và anh Nguyễn Văn S với số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4.Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Út C được miễn nộp án phí do người cao tuổi.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Út C số tiền 450.000đ (bốn trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai số 0014006 ngày 12/10/2021 của chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

5.Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án nên người kháng cáo không phải chịu án phí.

Hoàn trả cho các đương sự có tên sau đây tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long cùng ngày 30/9/2022:

Bà Nguyễn Thị Út C 300.000đ theo biên lai số 0014782

Ông Nguyễn Văn Năm E 300.000đ theo biên lai số 0014781

Anh Nguyễn Văn N 300.000đ theo biên lai số 0014779

Anh Nguyễn Văn Nhí E 300.000đ theo biên lai số 0014780

Anh Nguyễn Vũ L 300.000đ theo biên lai số 0014783

6.Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7.Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8.Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND cùng cấp;
- TAND huyện Trà Ôn;
-CCTHADS huyện Trà Ôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đặng Thị Ánh Bình